

Số: 19/NQ-HĐND

Nam Định, ngày 21 tháng 7 năm 2016

NGHỊ QUYẾT
Đặt tên, đổi tên đường, phố
và công trình công cộng thành phố Nam Định

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH
KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ HAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về việc ban hành quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20/3/2006 của Bộ Văn hoá Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố, công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ;

Xét tờ trình số 76/TTr-UBND ngày 04/7/2016 của UBND tỉnh về việc đặt, đổi tên đường, phố và công trình công cộng thành phố Nam Định và đính chính, giải trình tại văn bản số 183/UBND-VP7 ngày 21/7/2016 của UBND tỉnh;

Sau khi nghe báo cáo thẩm tra của Ban Văn hoá - Xã hội HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1.

- Đặt tên 24 tuyến đường, phố;
- Đặt tên công trình công cộng: 01 hồ;
- Kéo dài 04 tuyến đường, phố cũ;
- Điều chỉnh điểm đầu, điểm cuối 01 tuyến đường;
- Đổi tên 02 tuyến phố.

(Có danh sách và khoảng cách phân định địa giới kèm theo)

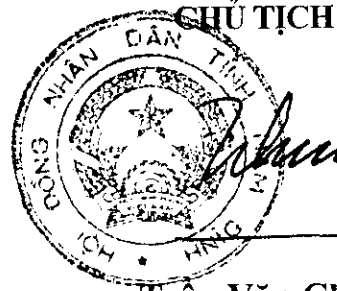
Điều 2. Giao UBND tỉnh chỉ đạo việc tổ chức thực hiện gắn biển tên đường, phố và công trình công cộng nêu trên trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày Nghị quyết có hiệu lực.

Điều 3. Thường trực HĐND, Ban của HĐND, đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Nam Định khoá XVIII, Kỳ họp thứ hai thông qua ngày 21/7/2016 và có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tư pháp, Bộ GTVT, Bộ VHTTDL;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Như Điều 2, Điều 3;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Huyện ủy, HĐND, UBND các huyện;
- Thành ủy, HĐND, UBND TP. Nam Định;
- Báo Nam Định, Công báo tỉnh;
- Website Chính phủ, website tỉnh;
- Lưu: VT VP HĐND tỉnh.



Trần Văn Chung



**DANH SÁCH ĐẶT, ĐỔI TÊN ĐƯỜNG, PHỐ VÀ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 19 /NQ-HĐND ngày 21/7/2016
của HĐND tỉnh Nam Định)*

I. Đặt tên đường, phố

STT	Tên cũ	Địa giới đường	Chiều dài (mét)	Đặt tên mới
I	Đường BOT Nam Định - Phủ Lý			
1	Đường BOT Nam Định - Phủ Lý	Từ QL10 đến hết địa phận tỉnh Nam Định 6+12,5+10,5+12,5+6 = 48 m	8.500	Đại lộ Thiên Trường
II	Khu đô thị mới Thông Nhất: 01 tuyến			
1	Đường 52m	Từ đường Trường Chinh đến Quốc lộ 10 6+5+4+10,25+1,5+10,25+ 4+5+6 = 52 m	1.920	Đường Võ Nguyên Giáp
III	Khu tái định cư Bãi Viên - Phúc Tân: 11 tuyến			
1	Đường N6	Từ đường D5 đến đường D1 (3+7+13+7+3) = 33 m	215	Phố Thích Thuận Đức
2	Đường N3	Từ Giải Phóng đến đường D1 (5+7+4+7+5) = 28 m	850	Đường Đỗ Mạnh Đạo
3	Đường N11	Từ đường D1 đến đường D9 (5+7+10+7+5) = 32 m	625	Đường Xuân Thủy
4	Đường N12	Từ đường D1 đến đường D5 (4+7+4) = 15 m	262	Phố Ngô Thế Vinh
5	Đường D3-D3A	Từ đường N12 đến hồ (4+6+4) = 14 m	115	Phố Nguyễn Ngọc Tương
6	Đường N10	Từ đường D1 đến đường D9 (3+7+3) = 13 m	627	Đường Nguyễn Khánh Toàn
7	Đường N8	Từ đường D2 đến đường D7 (3+7+3) = 13 m	385	Phố Đặng Hồi Xuân
8	Đường N9	Từ đường D2 đến đường D7 (3+7+3) = 13 m	380	Phố Ngô Quý Duật
9	Đường D7	Từ đường N3 đến đường N4 (3+7+3) = 13 m	200	Phố Trần Văn Gia
10	Đường N7	Từ đường D5 đến đường D6 (3+7+3) = 13 m	160	Phố Đặng Kim Toán
11	Đường D2	Từ đường N3 đến đường N6 (3+7+3) = 13 m	110	Phố Đỗ Tông Phát

IV	Khu đô thị mới Mỹ Trung: 08 tuyến			
1	Đường D1	Từ đường Thái Bình đến QL10 (5+18+20,5+5,5+3) = 52 m	1.130	Đường Võ Chí Công
2	Đường N3	Từ D1 đến D5 (5+7,5+5) = 17,5 m	300	Phố Phạm Văn Tráng
3	Đường D2	Từ N1 đến N6 (2,5+5,5+2,5) = 10,5 m	215	Phố Phạm Trung Thứ
4	Đường D3	Từ N1 đến N6 (3+7,5+3) = 13,5 m	200	Phố Vũ Huy Hào
5	Đường N1	Từ D1 đến D5 (2,5+5,5+2,5) = 10,5 m	280	Phố Huy Cận
6	Đường N2	Từ D2 đến D4 (2,5+5,5+2,5) = 10,5 m	215	Phố Trần Duy Hưng
7	Đường N4	Từ D2 đến D3 (2,5+5,5+2,5) = 10,5 m	135	Phố Đặng Hữu Dương
8	Đường N5	Từ D2 đến D3 (2,5+5,5+2,5) = 10,5 m	150	Phố Doãn Khuê
V	Khu đô thị mới Hòa Vượng: 01 tuyến			
1	Đường lô 03	Từ Nguyễn Công Trứ đến Đào Sư Tích (1,5+5,5+1,5) = 8,5 m	135	Phố Đặng Ngọc Cầu
VI	Phường Lộc Vượng: 01 tuyến			
1	Đường khu Vĩnh Trường	Từ đường Bái đến đường Trần Thái Tông (1,5+5+1,5) = 8 m	540	Đường Thượng Lôi
VII	Phường Thống Nhất: 01 tuyến			
1	Đường nối từ cầu Sắt đến đường 52m	Từ Trần Thái Tông đến đường 52m (5+10,5+5) = 20,5 m	125	Phố Thép Mới

II. Đặt tên công trình công cộng (hồ)

STT	Địa điểm	Tên cũ	Đặt tên mới
1	Phường Lộc Vượng	Đầm Đọ và Đầm Bét	Hồ Lộc Vượng

III. Đổi tên

STT	Tên đường hiện tại	Chiều dài (mét)	Đặt tên mới
1	Phố Đào Văn Tiến	120	Phố Trần Đình Long
2	Phố Nguyễn Phúc	346	Phố Nguyễn Mậu Tài

IV. Tuyến đường kéo dài

STT	Tên đường hiện tại	Quy mô đoạn kéo dài	Chiều dài đoạn kéo dài
1	Đường xây dựng mới nối tiếp đường Tô Hiến Thành (Thuộc địa bàn xã Mỹ Xá)	Từ Trường tiểu học Nguyễn Trãi đến mương Kênh Gia Mặt cắt hiện tại là $0+6+0 = 6$ m; Mặt cắt quy hoạch là $4+9+4 = 17$ m.	820 m
2	Đường xây dựng mới nối tiếp đường Phùng Khắc Khoan (Thuộc địa bàn xã Mỹ Xá)	Từ đường Phùng Khắc Khoan đến đường D1 Mặt cắt: $5+11+5 = 21$ m.	290 m
3	Đường xây dựng mới nối tiếp đường Túc Mạc (Thuộc địa bàn phường Lộc Vượng)	Từ đường Kênh đến QL 10 chia làm 2 đoạn Đoạn 1 (từ đường Kênh): Mặt cắt $3+10,5+3 = 16,5$ m; Đoạn 2 (nối tiếp đoạn 1 đến QL10): Mặt cắt $5+10,5+5 = 20,5$ m.	530 m
4	Đường xây dựng mới nối tiếp đường Phạm Văn Ngộ (Thuộc địa bàn phường Trường Thi)	Từ đường N3 đến đường N19 Mặt cắt: $4+6+4 = 14$ m	250 m

V. Tuyến điều chỉnh điểm đầu, điểm cuối

STT	Tên đường hiện tại	Chiều dài	Điểm cuối cũ	Điểm cuối mới
		Mặt cắt đường	Điểm đầu cũ	Điểm đầu mới
1	Phố Đào Duy Từ	105m	Đường Lê Quý Đôn	Đường Trường Chinh
		$4+6+4 = 14$ m	Đường Trần Thánh Tông	Đường Chế lan Viên